

Số: 41/QĐ-UBND

Dương Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 5 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Thư ký ISO/Lãnh đạo chất lượng/Ban chỉ đạo ISO của xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Dương Hòa phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Dương Hòa.

Điều 3. Văn phòng - Thống kê xã, Ban Chỉ đạo ISO xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND Thị xã (b/c);
- BTV Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND (b/c);
- Cán bộ, công chức xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Thúc

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐƯỢC
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /QĐ- UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024
về việc công bố lại HTQLCL của Ủy ban nhân dân xã)

I. CÁC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN HTQLCL

1. Sổ tay chất lượng
2. Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản
3. Quy trình đánh giá nội bộ
4. Quy trình kiểm soát sự không phù hợp, hành động khắc phục và cải tiến
5. Quy trình quản lý rủi ro

II. QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CÔNG VIỆC NỘI BỘ

1. Quy trình Đăng ký, xây dựng chương trình công tác
2. Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức
3. Quy trình Quản lý văn bản đến
4. Quy trình Quản lý văn bản đi
5. Quy trình thanh toán
6. Quy trình quản lý tài sản
7. Quy trình đăng ký sử dụng tài sản
8. Quy trình mua sắm, bảo trì, sửa chữa tài sản
9. Quy trình lập hồ sơ hiện hành và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan
10. Quy trình họp giao ban
11. Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo
12. Quy trình xin nghỉ phép
13. Quy trình phối hợp giữa các đơn vị để giải quyết công việc nội bộ của cơ quan
14. Quy trình xét Thi đua - Khen thưởng

III. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
2. Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng
3. Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
4. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
5. Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung

6. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác
7. Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
8. Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
9. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
10. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
11. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
12. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng
13. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề
14. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình
15. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất
16. Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến
17. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
18. Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm
19. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm
20. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm
21. Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình
22. Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn
23. Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật
24. Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
25. Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở
26. Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng
27. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã
28. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã
29. Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học
30. Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
31. Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại

32. Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
33. Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
34. Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
35. Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội
36. Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng
37. Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng
38. Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng
39. Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị
40. Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân
41. Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công
42. Thủ tục tiếp công dân
43. Xử lý đơn thư
44. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã
45. Giải quyết tố cáo
46. Thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã
47. Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai
48. Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc
49. Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
50. Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
51. Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở
52. Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
53. Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
54. Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
55. Thủ tục chứng thực di chúc
56. Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
57. Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
58. Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

59. Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường
60. Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
61. Thủ tục đăng ký khai sinh
62. Liên thông: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng
63. Liên thông: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi
64. Thủ tục đăng ký kết hôn
65. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con
66. Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con
67. Thủ tục đăng ký khai tử
68. Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động
69. Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động
70. Thủ tục đăng ký khai tử lưu động
71. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
72. Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
73. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
74. Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
75. Thủ tục đăng ký giám hộ
76. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ
77. Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
78. Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
79. Thủ tục đăng ký lại khai sinh
80. Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
81. Thủ tục đăng ký lại kết hôn
82. Thủ tục đăng ký lại khai tử
83. Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch
84. Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
85. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
86. Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
87. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
88. Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật
89. Thủ tục miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật

90. Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
91. Thủ tục thực hiện kê khai tài sản, thu nhập
92. Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình
93. Thủ tục thực hiện việc giải trình
94. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt
95. Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
96. Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
97. Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
98. Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em
99. Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em
100. Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế
101. Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện
102. Thủ tục công nhận hòa giải viên
103. Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
104. Thủ tục thôi làm hòa giải viên
105. Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên
106. Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số
107. Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã
108. Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu.
109. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh.
110. Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.
111. Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.
112. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai.
113. Thông báo thành lập tổ hợp tác
114. Thông báo thay đổi tổ hợp tác
115. Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác

116. Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.
117. Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết
118. Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu
119. Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị
120. Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung
121. Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
122. Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
123. Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng
124. Thủ tục đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.
125. Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ.
126. Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc
127. Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).
128. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.
129. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.
130. Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia)
131. Thủ tục Hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng
132. Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
133. Thủ tục "Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
134. Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh
135. Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp

136. Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.
137. Thủ tục "Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập"
138. Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ
139. Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý
140. Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng
141. Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia
142. Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
143. Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
144. Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
145. Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
146. Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
147. Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày
148. Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần
149. Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác
150. Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.
151. Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"
152. Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an
153. Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an
154. Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý

155. Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ
156. Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
157. Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.
158. Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
159. Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.
160. Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
161. Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
162. Thăm viếng mộ liệt sĩ
163. Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em
164. Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện
165. Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện
166. Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện
167. Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
168. Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
169. Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
170. Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
171. Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
172. Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân
173. Thủ tục xóa nhà tạm cho hộ nghèo
174. Thủ tục Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng